

Bản án số: **51/2021/HS-ST**

Ngày: 08/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Việt Chiến;

- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2021/HSST ngày 17/3/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HS ngày 25/3/2021, đối với các bị cáo sau:

1. Họ và tên: Đinh Quang K (*Tên gọi khác: Quyết*); Sinh năm: 1989; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn An Hạ, xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đinh Quang Kiển; Con bà: Nguyễn Thị Hạnh; Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Đỗ Thị Hạnh; Bị cáo có 02 con (*Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017*);

Trích lục tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số: 617, lập ngày 05/10/2020, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01, Công an thành phố Hà Nội.

2. Họ và tên: Đặng Thái S; Sinh năm: 1990; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Xóm 10, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp:

Lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đặng Văn Nam ; Con bà: Trần Thị Tĩnh; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai;

Trích lục tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số: 613, lập ngày 02/10/2020, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01, Công an thành phố Hà Nội.

3. Họ và tên: Đinh Quốc Đ; Sinh năm: 1987; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn An Thượng, xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đinh Tiến Việt (*Đã chết*); Con bà: Đinh Thị Chuẩn; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Mừng (*Đã ly hôn*); Bị cáo có 02 con (Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014).

Trích lục tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số: 616, lập ngày 05/10/2020, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01, Công an thành phố Hà Nội.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T ; Sinh năm: 1992; HKTT: Xóm Nam Tiểu Liêm, xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

(Anh T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 22/9/2020, tại công trường Vinhomes Smart City Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Đinh Quang K (tên gọi khác: Quyết) và anh Nguyễn Văn T (*Sinh năm: 1992; HKTT: Xóm Nam Tiểu Liêm, xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định*) xảy ra mâu thuẫn, cãi vã trong công việc. Đến 21 giờ cùng ngày, trong lúc ăn cơm và uống rượu tại phòng trọ (*Địa chỉ: Số 67, ngõ 43 phố Cầu Cốc, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*), K nghĩ lại việc cãi nhau với anh T lúc chiều nên rủ Đinh Quốc Đ, Nguyễn Văn Mạnh (*Sinh năm: 2001; HKTT: Thôn Vệ An, xã Cao Thắng, huyện Lương S, tỉnh Hòa Bình*) và Phạm Tiến Anh (*Sinh năm: 2000; HKTT: Xóm Chen, xã Yên S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ*) đến phòng trọ của T để nói chuyện. Mạnh và Tiến Anh không

biết mục đích đi đâu. Sau đó, Đ gọi điện cho Đinh Gia Lung (*Sinh năm:1989; HKTT: Thôn An Cừ, xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định*) bảo Lung về có việc của Quyết. Lúc này, Lung đang ngồi uống rượu cùng Đặng Thái S tại ngõ 67, phố Cầu Cốc, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, nên bảo S về cùng. Khi S và Lung về gần tới khu trọ thì gặp K, Mạnh, Tiến Anh, Đ đang đi bộ nên cả hai đi cùng (*không biết mục đích đi đâu*). Khi cả nhóm đi đến đầu ngách 111, ngõ 67, phố Cầu Cốc thì K nhặt một chiếc xẻng tại một nhà đang xây dựng và đi vào cổng số nhà 43, ngách 111, ngõ 67, phố Cầu Cốc, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thấy K cầm xẻng định xông vào thì Lung can ngăn K bỏ xẻng ra và gọi T ra nói chuyện. Sau đó, K dựng xẻng ở cổng và gọi T đang ở trong phòng trọ ra nói chuyện. Tuy nhiên, T không ra mà đứng trước cửa bậc thềm nhà và thách thức “mày thích thì mày vào trong này”, hai bên lời qua tiếng lại. Sau đó, S tiến vào gần chỗ của T đang đứng, bảo T ra cổng nói chuyện nhưng T không ra. Thấy vậy, K tiến vào sân, cầm 01 điều cày để trong thùng nhựa dựng tại bậc thềm nhà, vụt 01 nhát trúng đầu của T. T cầm xẻng vụt lại K nhưng trúng vào điều cày K đang cầm. Thấy chồng bị đánh, vợ T là Nguyễn Thị Vân (*Sinh năm: 1992; HKTT: Xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định*) đã giằng lấy điều cày từ tay của K. Lúc này, S cũng cầm 01 xẻng khua qua khua lại với T và đánh trúng vào chân trái của T 01 cái (*phần cán xẻng đập vào đầu gối của T*). K tiếp tục cầm 01 chiếc xẻng ở góc tường phía bên trái đánh vào đầu T 01 cái khiến đầu T bị chảy máu. Trong lúc này, Đ đứng tại sân nhà trọ cầm gậy phơi quần áo dài khoảng 02 mét vụt trúng vào tay T 01 cái và trúng vào xẻng T đang cầm 01 cái làm gậy đập nát. Trong khi Đ tấn công anh T thì Lung đứng phía sau Đ cầm 01 chiếc xẻng (*là xẻng mà Tiến Anh dựng ở cổng trước đó*) ném về phía của anh T nhưng không trúng. Còn Tiến Anh và Mạnh chỉ đứng ngoài, không tham gia đánh anh T. Sau khi được mọi người can ngăn thì cả nhóm của K đi về. Anh T đi khám tại Bệnh viện 198 - Bộ Công an và đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Cơ quan điều tra tạm giữ vật chứng gồm có: 01 chiếc xẻng cán gỗ dài khoảng 1,2m; 01 chiếc điều cày bằng nứa dài khoảng 60cm; 01 chiếc gậy bằng nứa dài khoảng 2m.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 1069/TTPY ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế Hà Nội đối với thương tích của anh Nguyễn Văn T, kết luận như sau:

“VI. Kết luận tại thời điểm giám định:

1. Vết thương vùng đỉnh đầu : 03%.

2. Vỡ sụn chêm trong gối trái, đứt không hoàn toàn dây chằng chéo trước trái: 16%.

3. Hiện chưa đánh giá được hết mức độ tổn thương, di chứng và biến chứng tổn thương gối trái. Đề nghị giám định bổ sung sau nếu có căn cứ.

4. Nhiều khả năng các thương tích do vật tày, tày có cạnh gây nên.

Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 19% (Mười chín phần trăm)”

Ngày 15/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm ra Quyết định số: 01/CQĐT(ĐTTH) về việc trưng cầu giám định bổ sung tỷ lệ phần trăm thương tích và cơ chế hình thành thương tích của anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, anh T không đến trung tâm pháp y Hà Nội theo giấy hẹn và có đơn xin từ chối giám định bổ sung thương tích. Các bị cáo K, Đ và S đồng ý với kết luận giám định thương tích 19% của anh Nguyễn Văn T.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo K, Đ và S khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Anh Nguyễn Văn T khai ngày 22/9/2020, K dùng điều cày vọt 03 phát vào đầu anh T, anh T dùng xô đựng điều cày để đỡ, không dùng xẻng đỡ và tấn công lại K và S. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đã rà soát camera, tại hiện trường, xác định không có hình ảnh camera ghi lại hình ảnh sự việc. Tiến hành thực nghiệm điều tra và đối chất giữa K với anh T nhưng không làm rõ được nội dung mâu thuẫn giữa hai bên. Mặt khác, các nhân chứng không xác định được anh T dùng xẻng để tấn công lại K và S.

Đối với hành vi của Đinh Gia Lung ném xẻng về phía anh T như lời khai của các bị cáo và nhân chứng cho thấy, trước khi xảy ra sự việc, Lung có hành vi can ngăn K và đứng ở bên ngoài không tham gia, sau đó thấy anh T cầm xẻng tấn công về phía Đ nên Lung có dùng xẻng ném về phía anh T nhưng không trúng. Do đó, xác định hành vi của Đinh gia Lung chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh T đã nhận số tiền 60.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng*) của gia đình bị cáo K, tự nguyện bồi thường cho anh T chi phí khám chữa bệnh và mua thuốc, bồi thường thu nhập thực tế bị mất trong thời gian anh T bị đau chân và bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh T. Anh T đã nhận tiền tự nguyện bồi thường của gia đình bị cáo K, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo K và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K. Anh T yêu cầu bị cáo S và Đ bồi thường tiền chi phí

sau này phải mổ chân để nối dây chằng, yêu cầu mỗi bị cáo bồi thường 25.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng*).

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo S và Đ đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do các bị cáo đã gây ra cho anh T, mỗi gia đình tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Anh T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ và S, xác nhận đã nhận của gia đình bị cáo Đ và S, mỗi gia đình 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*), tiền gia đình các bị cáo khắc phục một phần hậu quả cho các bị cáo đã gây ra cho anh T và đề nghị Hội đồng xét xử được nhận 5.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*) do gia đình bị cáo Đ và S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Đ và S.

Bản Cáo trạng số: 50/CT-VKS ngày 10/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, truy tố các bị cáo: Đinh Quang K, Đặng Thái S và Đinh Quốc Đ về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định như sau:

“Điều 134: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng.....hung khí nguy hiểm.....

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Đinh Quang K, Đặng Thái S và Đinh Quốc Đ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

quận Nam Từ Liêm truy tố đối với các bị cáo về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Sau khi phạm tội các bị cáo đã rất ăn năn, hối cải và xin lỗi bị hại tại phiên tòa. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng là bài học cho bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Đinh Quang K, Đặng Thái S và Đinh Quốc Đ, kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo: Đinh Quang K, Đặng Thái S và Đinh Quốc Đ về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, có lỗi một phần của bị hại, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, nên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giao các bị cáo về chính quyền địa phương, nơi các bị cáo cư trú, để giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo K và S từ 26 tháng đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 tháng đến 60 tháng; Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Đ từ 24 tháng đến 28 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 56 tháng; Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo K, S, Đ đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra, bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại của gia đình các bị cáo, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự; Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án, gồm có: 01 chiếc xeng có cán bằng gỗ; 01 chiếc điều cày bằng nứa và 01 chiếc gậy bằng nứa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với kết luận giám định pháp y thương tích, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Do có mâu thuẫn từ trước, nên khoảng 21 giờ ngày 22/9/2020, tại số nhà 43, ngách 111, ngõ 67 Cầu Cốc, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Đinh Quang K có hành vi dùng điều cây, Đặng Thái S có hành vi dùng xẻng và Đinh Quốc Đ có hành vi dùng gậy bằng tre cùng đánh gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T, tỷ lệ tổn hại sức khỏe 19% (*Mười chín phần trăm*).

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo K đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh T 60.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng*), chi phí khám chữa bệnh và mua thuốc, bồi thường thu nhập thực tế bị mất trong thời gian anh T bị đau chân và bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh T. Gia đình bị cáo S và Đ đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho anh T chi phí sau này phải mổ chân để nối dây chằng, mỗi gia đình 15.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng*). Anh T đã nhận 60.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng*) của gia đình bị cáo K, nhận của gia đình bị cáo S và Đ, mỗi gia đình 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*) và đồng ý nhận số tiền gia đình bị cáo S và Đ, mỗi gia đình 5.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Anh T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Hành vi nêu trên của các bị cáo: Đinh Quang K, Đặng Thái S và Đinh Quốc Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Điều 2 Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố đối với các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Các bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại, bị cáo K có hành vi

dùng điều cây, bị cáo S có hành vi dùng xẻng, bị cáo Đ có hành vi dùng gậy bằng tre cùng đánh gây thương tích cho anh T, tỷ lệ tổn hại sức khỏe 19% (Mười chín phần trăm).

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, sau khi phạm tội và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo sau khi phạm tội, đều rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, bị hại và gia đình các bị cáo đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên, Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giao các bị cáo về chính quyền địa phương, nơi các bị cáo cư trú, để giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo, cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án để xem xét mức hình phạt đối với từng bị cáo. Mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo K và S là ngang nhau, nên, xem xét mức hình phạt đối với bị cáo K và S là ngang nhau. Bị cáo Đ giúp sức cho bị cáo K và S, nên mức hình phạt đối với bị cáo Đ thấp hơn mức hình phạt đối với bị cáo K và S, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo K và S từ 26 tháng đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 tháng

đến 60 tháng; Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Đ từ 24 tháng đến 28 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 56 tháng, là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo K, S, Đ đã tự nguyện khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra. Anh T đã nhận của gia đình bị cáo K tự nguyện bồi thường cho anh T 60.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng*), chi phí khám chữa bệnh và mua thuốc, bồi thường thu nhập thực tế bị mất trong thời gian anh T bị đau chân và bồi thường tổn thất về tinh thần và đã nhận của gia đình bị cáo S và Đ, mỗi gia đình 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*), bồi thường chi phí sau này anh T phải mổ chân để nối dây chằng và đồng ý nhận số tiền gia đình bị cáo S và Đ, mỗi gia đình nộp 5.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Anh T không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự.

Anh T được nhận số tiền 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (*Do gia đình bị cáo S và Đ đã nộp theo Biên lai số: 024509 và 024510, đề ngày 07/4/2021*).

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án, gồm có: 01 chiếc xeng có cán bằng gỗ; 01 chiếc điều cày bằng nứa; 01 chiếc gậy bằng nứa, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo: Đinh Quang K, Đặng Thái S và Đinh Quốc Đ phạm tội: *“Cố ý gây thương tích”*.

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 65; Điểm b, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Quang K 27** (*Hai mươi bảy*) **tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54** (*Năm mươi bốn*) **tháng kể từ ngày tuyên án.**

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Thái S 27** (*Hai mươi bảy*) **tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54** (*Năm mươi bốn*) **tháng kể từ ngày tuyên án.**

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Quốc Đ 24** (*Hai mươi bốn*) **tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48** (*Bốn mươi tám*) **tháng kể từ ngày tuyên án.**

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo: Đinh Quang K, Đặng Thái S, Đinh Quốc Đ đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo K và Đ cho Ủy ban nhân dân xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án, gồm có: 01 chiếc xẻng có cán bằng gỗ; 01 chiếc

điều cày bằng nửa và 01 chiếc gậy bằng nửa (Có đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng đề ngày 17/3/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);

Anh T được nhận số tiền 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Do gia đình bị cáo S và Đ đã nộp theo Biên lai số: 024509 và 024510, đề ngày 07/4/2021).

Về án phí: Các bị cáo: K, S, Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:

- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:

- Lưu HS.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:

- Lưu HS.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:

- Lưu HS.

Căn cứ Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 584; Điều 589; Điều 288; Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh phải bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Đ Thanh (Người Đ diện theo pháp luật: Ông Tô Thế Bình - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà (Người Đ diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm (Người Đ diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Dương - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho anh Đỗ Nhật Thành số tiền: 12.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu đồng);

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh và bị cáo Nguyễn Tiến Bằng phải liên đới bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà (Người Đ diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở và quản lý khu đô thị Mường Thanh (Người Đ diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Toàn - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 13.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 6.500.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng); Bồi thường cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thiên Trường Việt Nam (Người Đ diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Oanh - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm (Người Đ diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Dương - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa và 01 thẻ gửi xe (Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 110 ngày 20/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);

Buộc bị cáo Tuấn phải truy nộp: 14.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng*); Bị cáo Phong phải truy nộp: 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*); Bị cáo Việt phải truy nộp: 4.500.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*); Bị cáo Minh phải truy nộp: 7.250.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Bị cáo Bằng phải truy nộp: 1.250.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*), nộp ngân sách Nhà Nước.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Các bị cáo: Minh, Bằng, Tuấn, Phong, Việt, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Minh phải chịu 4.425.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bằng phải chịu 1.575.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

